

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:.....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Tự động hoá; Chuyên ngành: Điều khiển tự động

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Vũ Thị Thúy Nga

2. Ngày tháng năm sinh: 05/05/1982; Nam ☐; Nữ ☒; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☐

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Xuân Vinh, Xuân Trường, Nam Định

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): P2424 tòa HH3A, khu đô thị Linh Đàm, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện): Bộ môn Điều Khiển tự động, Viện Điện, Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, Số 1 Đại Cồ Việt, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0962664171;

E-mail: nga.vuthithuy@hust.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng, năm 03,2013 đến tháng, năm 07,2021: Giảng viên tại Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội

Chức vụ: Hiện nay: Giảng viên; Chức vụ cao nhất đã qua: Giảng viên

Cơ quan công tác hiện nay: Đại học Bách Khoa Hà Nội

Địa chỉ cơ quan: Số 1 Đại Cồ Việt, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại cơ quan:

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ... năm ...

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Đại học

Bách Khoa Hà Nội

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH [3] ngày 15 tháng 7 năm 2005, số văn bằng: C619429, ngành: Điện, chuyên ngành: Tự động hóa xí nghiệp công nghiệp; Nơi cấp bằng ĐH [3] (trường, nước): Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS [4] ngày 18 tháng 5 năm 2009, số văn bằng: 003954, ngành: Điện, chuyên ngành: Kỹ thuật tự động hóa; Nơi cấp bằng ThS [4] (trường, nước): Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, Việt Nam

- Được cấp bằng TS [5] ngày 15 tháng 02 năm 2013, số văn bằng: 3345, ngành: Điện, chuyên ngành: Ứng dụng năng lượng và năng lượng tái tạo; Nơi cấp bằng TS [5] (trường, nước): Đại học Dongguk, Hàn Quốc

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ..., ngành: ...

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Bách khoa Hà Nội (Hội đồng I: Điện, Điện tử)

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Điện-Điện tử-Tự động hóa

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Điều khiển truyền động điện và điện tử công suất; Điều khiển robot và các hệ cơ điện tử; Ứng dụng học tăng cường trong điều khiển tự động.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) 8 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);
- Đã hoàn thành 1 đề tài NCKH cấp Bộ; 2 đề tài NCKH cấp Cơ sở;
- Đã công bố (số lượng) 31 bài báo khoa học, trong đó 18 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 3, trong đó 3 thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

TT	Tên khen thưởng	Cấp khen thưởng	Năm khen thưởng
1	Chiến sĩ thi đua	Cơ sở	2017
2	Chiến sĩ thi đua	Cơ sở	2018
3	Bằng khen cấp Bộ	Bộ	2019

16. Kỷ luật (hành thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết

định):

TT	Tên kỷ luật	Cấp ra quyết định	Số quyết định	Thời hạn hiệu lực
Không có				

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Về đạo đức lối sống: có phẩm chất đạo đức và lối sống lành mạnh, hòa đồng với bạn bè đồng nghiệp và những người xung quanh, trung thực khách quan trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

- Phẩm chất chính trị: tư tưởng chính trị vững vàng trong sáng, không vi phạm pháp luật và các quy định của tổ chức.

- Năng lực chuyên môn: có đủ năng lực chuyên môn theo quy định để tham gia đào tạo đại học và sau đại học; có khả năng thực hiện các công trình công bố quốc tế; khiêm tốn học hỏi từ đồng nghiệp, sách vở, mạng internet để đáp ứng được với sự thay đổi của khoa học công nghệ.

- Nhiệm vụ nhà giáo: tôi đã hoàn thành đầy đủ khối lượng công việc được giao (cả về giảng dạy và nghiên cứu khoa học) trong các năm làm việc tại cơ sở; giao tiếp công bằng cởi mở với sinh viên; luôn trau dồi bản thân cả về phẩm chất và chuyên môn để đáp ứng được các yêu cầu đối với một nhà giáo theo quy định.

Bản thân tôi tự nhận thấy mình đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và trách nhiệm của nhà giáo.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số 08 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/Số giờ quy đổi/Số giờ định mức ^(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2015-2016				38	179	30	209/435.8/280

2	2016-2017	1		3	51	287	64	351/896.55/270
3	2017-2018				99	380	77	457/1448.38/270
03 năm học cuối								
4	2018-2019			3	53	375	34	409/805.19/270
5	2019-2020			2	53	347	30	377/707.25/270
6	2020-2021				76	229	68	297/715.5/270

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☒:

- Học ĐH ☐; Tại nước: ; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☒ hoặc TSKH ☐; Tại nước: Hàn Quốc năm 2013

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng: ; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☐:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/ CK2/ BSNT	Đối tượng	Trách nhiệm hướng dẫn	Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp

NCS	HVCH/ CK2/ BSNT	Chính	Phụ					
1	Đoàn Ngọc Anh		X	X		08/2015 đến 10/2016	Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội	27/12/2016
2	Đặng Đức Tuấn		X	X		08/2015 đến 10/2016	Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội	27/12/2016
3	Phạm Việt Cường		X	X		08/2015 đến 04/2017	Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội	03/7/2017
4	Nguyễn Văn Thành		X	X		08/2017 đến 10/2018	Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội	14/12/2018
5	Nguyễn Tự Nam		X	X		08/2017 đến 04/2019	Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội	09/7/2019

6	Phạm Thu Hằng		X	X		10/2017 đến 04/2019	Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội	09/7/2019
7	Trần Tiến Dũng		X	X		04/2018 đến 10/2019	Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội	30/12/2019
8	Chữ Sơn Tùng		X	X		04/2018 đến 10/2019	Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội	30/12/2019

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ							
1	Học tăng cường trong điều khiển tự động với Matlab/Simulink	TK	Nhà xuất bản Bách Khoa Hà Nội, năm 2020	3	CB	(Không phân chia số trang cụ thể)	Xác nhận sử dụng sách tham khảo của Viện Điện, Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội

1	Nghiên cứu, thiết kế hệ thống tự xác định quỹ đạo mẫu theo môi trường làm việc trên cơ sở tự học cho các máy hỗ trợ khai thác, vận chuyển than trong hầm mỏ	CN	B2018-BKA-70, cấp Bộ	01/01/2018 đến 30/12/2019	(30/9/2020)/Đạt
2	Ứng dụng logic mờ trong nhận dạng và điều khiển hệ thống phát điện sức gió	CN	T2014-77, cấp Cơ sở	03/06/2014 đến 15/12/2014	(15/12/2014)/Tốt
3	Xây dựng bàn thí nghiệm các thuật toán điều khiển cần cầu treo	CN	T2016-PC-107, cấp Cơ sở	01/8/2016 đến 01/7/2017	(09/6/2017)/Tốt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
1	Nonlinear speed control of PM synchronous motor with extended Kalman filter observer	2	Có	Journal of the Korean Institute of Illuminating and Electrical Installation Engineers, ISSN: 2287-5034	- Hệ thống CSDL quốc tế khác		vol. 25, no. 3, pp. 15-23	03/2011
2	Digital implementation of an adaptive speed regulator for a PMSM	3	Không	IEEE Transactions on Power Electronics, ISSN: 0885-8993	Q1 - SCI IF: 6.153	130	vol. 26, no. 1, pp. 3-8	01/2011
3	Robust speed control method for permanent magnet synchronous motor	4	Có	IET Electric Power Applications, ISSN: 1751-8679	Q1 - SCI IF: 2.834	19	6, 7, 399-411	08/2012

4	Design and implementation of a Takagi-Sugeno fuzzy speed regulator for PMSM	3	Không	IEEE Transactions on Industrial Electronics, ISSN: 0278-0046	Q1 - SCI IF: 8.236	42	59, 8, 3069-3077	08/2012
5	Certainty equivalence adaptive speed controller for permanent magnet synchronous motor	3	Có	Mechatronics, ISSN: 0957-4158	Q1 - SCI IF: 3.498	36	vol. 22, no. 6, pp. 811-818	09/2012
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
6	Neuro-fuzzy control of interior permanent magnet synchronous motors: stability analysis and implementation	4	Không	Journal of Electrical Engineering and Technology, ISSN: 2093-7423	Q3 - SCIE IF: 1.069	19	vol.8, no.6, pp.1439-1450	11/2013

7	T-S fuzzy model-based sliding mode control for surface mounted permanent magnet synchronous motors considering uncertainties	4	Có	IEEE Transactions on Industrial Electronics, ISSN: 0278-0046	Q1 - SCI IF: 8.236	71	vol.60, no.10, pp.4281-4291	09/2013
8	A three-phase inverter for a standalone distributed generation system: adaptive voltage control design and stability analysis	6	Không	IEEE Transactions on Energy Conversion, ISSN: 1558-0059	Q1 - SCI IF: 4.312	67	vol.29, no.01, pp.46-56	03/2014
9	Speed control system design and experimentation for interior PMSM drives	4	Không	International Journal of Electronics, ISSN: 1362-3060	Q3 - SCIE IF: 2.5	9	vol.102, no.5, pp.864-885	05/2015

10	A nonlinear sliding mode controller for IPMSM drives with an adaptive gain tuning rule	7	Không	Journal of Power Electronics, ISSN: 2093-4718	Q3 - SCIE IF: 1.114	5	vol.15, no.3, pp.753-762	05/2015
11	Adaptive neuro-fuzzy inference system based path planning for excavator arm	3	Có	Journal of Robotics, ISSN: 1687-9619	Q3 - ISI - ESCI IF: 2.8	6	vol.2018	12/2018
12	Artificial neural network based path planning of excavator arm	3	Có	International Journal of Mechanical Engineering and Robotics Research, ISSN: 2278-0149	Q4 - Scopus IF: 1.1	1	vol.8, no.1, pp.12-17	01/2019
13	Robust adaptive controller design for excavator arm	1	Có	International Journal of Mechanical Engineering and Robotics Research, ISSN: 2278-0149	Q4 - Scopus IF: 1.1		vol. 9, no. 1, pp. 42-47	01/2020
14	A nonlinear state observer for sensorless speed control of ipmsm	1	Có	Journal of Control, Automation and Electrical Systems, ISSN: 2195-3899	Q3 - ISI - ESCI IF: 2.2		vol. 31, no. 5, pp. 1087-1096	10/2020

15	LMI based antiswing adaptive controller for uncertain overhead cranes	1	Có	International Journal of Electrical and Computer Engineering, ISSN: 2088-8708	Q2 - Scopus IF: 2.7		vol. 10, no. 6, pp. 5793- 5801	12/2020
16	Path planning for excavator arm: fuzzy logic control approach	2	Có	Journal of Robotics, ISSN: 1687-9619	ISI-Q3 - ESCI IF: 2.8		vol.2020	12/2020
17	Robust adaptive controller for wheel mobile robot with disturbances and wheel slips	4	Có	International Journal of Electrical and Computer Engineering, ISSN: 2088-8708	Q2 - Scopus IF: 2.7	1	vol. 11, no. 1, pp. 336- 346	02/2021
18	Recurrent neural network- based path planning for an excavator arm under varying environment	3	Có	Engineering, Technology and Applied Science Research, ISSN: 1792-8036	ISI - ESCI		vol. 11, no. 3, pp. 7088- 7093	06/2021

19	Robust optimal tracking control using disturbance observer for robotic arm systems	3	Có	Journal of Control, Automation and Electrical Systems, ISSN: 2195-3899	ISI-Q3 - ESCI IF: 2.2		vol.2021	07/2021
20	Điều khiển ổn định thời gian hữu hạn (FTS) trên nền tối ưu tác động nhanh	2	Có	Tạp chí Khoa học và Công nghệ (Đại học Thái Nguyên), ISSN: 2615-9562			vol. 135, no. 5, pp. 219-224	12/2015
21	Implementation of a laboratory overhead crane control system	6	Không	Journal of Military and Science of Technology, ISSN: 1859 - 1043			vol. 44 pp. 3-12	08/2016
22	Improving of control overhead crane quality based on the fuzzy adaptive second order sliding mode control	6	Có	Journal of Military and Science of Technology, ISSN: 1859 - 1043			vol. 45 pp. 20-27	10/2016

23	High order sliding mode control with anti-sway based on compensation on artificial neural network by PSO algorithm for overhead cranes	7	Không	Vietnam Journal of Science and Technology (VAST), ISSN: 2525-2518			vol. 55, no. 3, pp. 347-356	06/2017
24	Antisway tracking control for 2D overhead crane using double layer fuzzy logic controllers	7	Có	Journal of Military and Science of Technology, ISSN: 1859 - 1043			vol. 48A pp. 68-77	05/2017
25	Nonlinear sliding mode control for three-phase UPS	1	Có	Journal of Military and Science of Technology, ISSN: 1859 - 1043			vol. 51A pp. 1-8	11/2017
26	Tối ưu hóa thời gian làm việc và độ giật cho hệ cánh tay máy xúc dựa trên	5	Có	Chuyên san Đo lường, Điều khiển và tự động hóa/Tạp chí Tự động hóa ngày nay, ISSN: 1859 - 0551			vol. 25, no. 1, pp. 57-62	04/2018

27	Thiết kế điều khiển mờ cho hệ nâng từ dựa trên mô hình mờ Tagaki-Sugeno	2	Có	Tạp chí Nghiên cứu khoa học và công nghệ quân sự, ISSN: 1859 - 1043			vol. 68 pp. 20-28	08/2020
28	Fuzzy adaptive controller design for IPMSM with system uncertainties and disturbances considering	1	Có	Journal of Science and Technology - Technical Universities, ISSN: 2354-1083			vol. 147 pp. 22-26	12/2020
29	Điều khiển bám quỹ đạo cho xe tự hành sử dụng bộ điều khiển thích nghi mờ loại 2	4	Có	Tạp chí Nghiên cứu khoa học và công nghệ quân sự, ISSN: 1859 - 1043			vol. 72 pp. 24-34	04/2021
30	Finite time stabilization of non-autonomous, nonlinear second-order systems based on minimum time principle	4	Không	Vietnam Journal of Science and Technology (VAST), ISSN: 2525-2518			vol. 59, no. 2, pp. 249-260	04/2021

31	Adaptive backstepping hierarchical sliding mode control for uncertain 3D overhead crane systems	5	Không	2017 IEEE International Conference on System Science and Engineering (ICSSE), Ho Chi Minh City, Vietnam, ISSN: 2325-0925	- Scopus			09/2017
----	---	---	-------	--	----------	--	--	---------

- Trong đó, số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà U.V là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 10 ([7] [11] [12] [13] [14] [15] [16] [17] [18] [19])

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Không có							

- Trong đó, số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà U.V là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
Không có					

- Trong đó, số bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
----	--	---------------------------	--	----------------------------------	------------

Không có

- Trong đó, số tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi Chú
Không có						

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ: thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ: thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì không đủ 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa

học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 29 tháng 10 năm 2021

Người đăng ký
(Ký và ghi rõ họ tên)